TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 539/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23- 10 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 484/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Ng đơn:* Chị Trương Thị Tr, sinh năm 1985; (Có mặt).

Trú tại ấp Bình Th1, xã Bình Th2, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Kh, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt).

Trú tại ấp Bình T, xã Bình Th2, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và trong quá trình xét xử Ng đơn chị Trương Thị Tr trình bày: Chị Tr và anh Kh là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cải vả nhau, đã ly thân 08 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Kh. Về con chung: Chị Tr và anh KH chung sống có 01 con chung tên Phan Trung Ng, sinh ngày 02/4/2010, ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Văn Kh trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị Tr về thời gian chung sống, mâu thuẫn, thời gian ly thân, đồng ý ly hôn. Con chung đồng ý giao cho vợ nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị Tr giữ Ng yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung: Không có.

Anh Kh xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Văn Kh có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Th2, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị Tr khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh Kh chung sống năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị Tr và anh Kh cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân 08 năm, không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị Tr và anh Kh chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Tr và anh Phan Văn Kh.

- Về con chung: Chị Tr và anh Kh chung sống có 01 con chung tên Phan Trung Ng, sinh ngày 02/4/2010. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Ng ở với chị Tr, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời chị Tr có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu Ng muốn ở với chị Tr, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ng cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Tr và anh Phan Văn Kh.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Trung Ng, sinh ngày 02/4/2010 cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tr cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ